

Môi Hở Răng Lạnh, Học Thuyết Domino và Chiến Tranh Việt Nam

Trịnh Quốc Thuận, Ph.D.

Đã gần 40 năm sau ngày miền Nam rơi vào tay cộng sản. Toàn quốc thống nhất, bị cai trị dưới nhà cầm quyền độc tài của đảng CSVN. Mỗi năm cứ đến ngày 30 tháng Tư là họ ồn ào kỷ niệm ngày vui đại thắng, ngày giải phóng miền Nam. Họ rầm rộ tuyên dương chiến thắng mùa xuân đánh cho Mỹ cút, đánh Ngụy nhào... Họ hô hào, rêu rao lại khẩu hiệu đánh "Đế Quốc Mỹ", đánh "giặc Mỹ xâm lược" cứu nước, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng xã hội chủ nghĩa... Nhưng chánh quyền Cộng Sản Việt Nam đã trở trên lời đi lời nói của Lê Duẩn: "*Ta đánh Mỹ là đánh cho Liên Xô, đánh cho Trung Quốc...*"*

Xin mời bạn đọc cùng nhìn lại lịch sử, xem qua bản chất của chiến tranh Việt Nam mà Cộng Sản Bắc Việt hô hào, tuyên truyền là chiến tranh giải phóng miền Nam, đánh Đế Quốc Mỹ xâm lược để thống nhất đất nước ... Thành ngữ "*Môi Mất Răng Lạnh*" có nguồn gốc ở văn hóa cổ đại Trung Hoa từ "*Thần Vong Xỉ Hàn*" 唇亡齒寒. Qua ngàn năm lịch sử, văn hóa Trung Hoa du nhập vào Việt Nam đã mang đến với chúng ta câu tục ngữ quen thuộc "*Môi Hở Răng Lạnh*". Nghe qua đẹp đẽ hiền lành như "bầu ơi thương lấy bí cùng" hay chan chứa tình thương đồng bào như "lá lành đùm lá rách... nhiều điều phủ lấy giá gương..." Nhưng câu "*Môi Hở Răng Lạnh*" đó có từ câu "*Thần Vong Xỉ Hàn*" khởi nguồn từ bài học hai nước Quắc, Ngu, đã gắn liền với chiến tranh, tang thương và đổ nát, đã mang chiến tranh đến đất nước Việt Nam: chiến tranh Pháp-Thanh trên đất Bắc Kỳ ở thế kỷ 19, và chiến tranh Việt Nam sau này ở thế kỷ 20.

Môi Hở Răng Lạnh hay "Thần Vong Xỉ Hàn" (môi mất răng lạnh) Nước Quắc mất nước Ngu cũng không tồn

Theo Tả Truyện, Hi Công ngũ niên, thì vào thời Xuân Thu bên Tàu Tấn Hiến Công (năm 654 TC) muốn thôn tính nước Quắc nhờ giáp ranh xứ mình mới hỏi kế sách các cận thần. Tuân Tức bèn tâu: "Ta nên mượn đường nước Ngu đánh úp bất ngờ nước Quắc. Quốc vương nước Ngu là người thiện cận, ham lợi nhỏ, xin chúa công chỉ cần tặng hấn ngọc đẹp với ngựa báu thì hấn sẽ vui cho mượn đường". Thấy Hiến Công còn do dự vì hai báu vật đó Tấn Hiến Công rất trân quý, Tuân Tức liền nói: "Thế hình hai nước Ngu, Quắc như môi với răng tương trợ, chiếm xong nước Quắc, thì nước Ngu sẽ không tồn tại bao lâu. Hai thứ báu vật đó chỉ tạm thời gởi ở nước Ngu mà thôi".

Hiến Công bèn mang ngọc báu với tuần mã đem tặng Ngu Công để mượn đường đánh Quắc. Vua nước Ngu thấy được hai báu vật đó lòng cả mừng nhận lấy, cho nước Tấn mượn đường đánh nước Quắc. Đại thần Cung Chi Kỳ cực lực can gián: "Lời rằng, thần vong xỉ hàn (môi mất răng lạnh), đó thật là thế hình hai nước Ngu và Quắc ngày nay, lỡ mà nước Quắc mất đi thì nước Ngu sẽ không còn. Không nên cho mượn đường đánh Quắc, việc này hệ trọng, xin chúa công xét lại". Ham lợi tối mắt, vua Ngu không nghe lời ngay. Cho Tấn mượn đường, còn hứa sẽ không cử binh giúp nước Quắc.

Cung Chi Kỳ lặng lẽ dọn nhà trốn khỏi nước Ngu. Trước khi đi có nói lại: "Trong vòng một năm nước Ngu diệt vong". Quả thật sau khi diệt xong nước Quắc, Tấn Hiến Công thôn tính luôn nước Ngu, thu lại ngọc quý với tuần mã.

Đó là Giả Đạo Phạt Quắc (假道伐虢), một trong 36 kế dùng trong cổ đại binh lược Trung Quốc, mà Tuân Tức bày ra để Tấn Hiến Công là người dùng đầu tiên.

Mất nước, vua Ngu ân hận không nghe lời can của Cung Chi Kỳ: Thần vong xỉ hàn (môi mất răng lạnh) là thế hình hai nước Quắc Ngu. Không thể để mất nước Quắc, mà nước Ngu tồn tại được. Thành ngữ "Thần Vong Xỉ Hàn" có lẽ khởi nguồn từ đó.

Thần Vong Xỉ Hàn - Thanh triều can thiệp vào Bắc Kỳ và chiến tranh Pháp-Trung

Năm 1862 nhà Nguyễn bị ép phải ký hòa ước Nhâm Tuất nhượng ba tỉnh miền Đông Nam kỳ cho Pháp. Đến năm Đinh Mão 1867 (Tự Đức 20) thì mất luôn ba tỉnh miền Tây và Nam Kỳ hoàn toàn thuộc Pháp. Năm Quý Dậu 1873 Pháp đánh chiếm thành Hà Nội. Lão tướng Nguyễn Tri Phương bị thương, từ chối thuốc men, tử

tiết trên tàu Pháp. Năm 1874, triều đình Huế ký hòa ước Giáp Tuất, trong đó có điều nước Đại Nam độc lập (không thần phục nhà Thanh). Khi cần dẹp giặc cướp (chủ ý nói giặc cờ Đen) thì nước Pháp sẽ trợ giúp. Năm Nhâm Ngọ 1882, quân Pháp đánh chiếm thành Hà Nội lần thứ hai. Hoàng Diệu tự ải tuần tiết với thành.

Bác bỏ đòi hỏi ngang ngược của đại tá Henri Rivière, vua Tự Đức phái ông Phan Thận Duật sang Thiên Tân cầu cứu với nhà Thanh 1882. Thật ra triều đình Huế vẫn thường sai sứ sang Tàu (các năm 1876, 1880) dù đã ký hòa ước Giáp Tuất 1874 với Pháp không còn thần phục nhà Thanh. Năm 1881 sứ Tàu có đến Huế, mục đích để biết thêm hiện tình nước Nam.

Việc đó đã nói lên cái u mê, tăm tối với thời cục của triều đình quan lại nhà Nguyễn. Nước Tàu lúc đó cũng rồi ren không thua gì nước Nam (bị ép phải ký các điều ước năm 1842, 1843, 1844, 1858, 1860, 1861, 1876 bởi nhiều nước như Anh, Pháp, Hoa Kỳ, Nga và Phổ- Prussia, tiền thân của nước Đức ngày nay-). Tự mình không cứu nổi mình thì nhà Thanh còn giúp được ai?

Bị ám ảnh bởi bài học hai nước Quắc, Ngu, triều đình Mãn Thanh sợ mất Bắc kỳ, quân Pháp sẽ dùng đó làm hậu phương, bàn đạp để thôn tính Vân Nam qua ngã Lào Cai, sông Hồng, và Quảng Tây qua Lạng Sơn, Cao Bằng. Nên năm 1882 Thanh triều truyền quan Bố Chánh Vân Nam Đường Quýnh Sứ và Tạ Kính Bưu, mang quân vượt biên giới tràn sang Bắc Kỳ, đóng ở Bắc Ninh và ở Sơn Tây. Quan bố chính Quảng Tây là Từ Diên Húc đem quân yểm trợ và phối hợp với lực lượng quân cờ Đen ở Bắc kỳ, án binh bất động, chờ Lý Hồng Chương điều đình với đại sứ Pháp Bourée (sau này với Đại Tá Fournier). Lý Hồng Chương chủ hòa, ông cho rằng nhà Thanh lúc đó binh yếu lương thiếu, duyên phòng trống rỗng. Ông cảnh cáo phe chủ chiến rằng thấy nguy phải thoái trước, để mà bảo toàn đại cục ("*兵單餉匱 binh đơn hường quỹ*", "*海防空虛 hải phòng không hư*", "*遇險而自退 ngộ hiểm nhi tự thoái*", "*和好大局 hòa hảo đại cục*.) Bởi vậy khi Hoàng Kế Viêm điều đình với quân Cờ Đen tấn công quân Pháp, Lưu Vĩnh Phúc đã từ chối. Lúc này Lưu Vĩnh Phúc đã là tướng của nhà Thanh, sau khi giết Hoàng Sùng Anh (1875) là dư đảng của Ngô Côn, thủ lĩnh quân Cờ Vàng, Lưu được Thanh triều chiêu an, trọng dụng. Lưu Vĩnh Phúc, thủ lĩnh giặc Khách quân Cờ Đen vốn là dư đảng Thái Bình Thiên Quốc bên Tàu. Ông đã có mặt ở Bắc kỳ từ năm 1865. Sau khi giết được thủ lĩnh người Mông (Bạch Miêu) chống phá triều Nguyễn, Lưu Vĩnh Phúc được vua Tự Đức chiêu an, phong hàm cửu phẩm bách hộ, hoành hành lưu vực sông Hồng, tới Lào Cai. Họ Lưu cũng được Hoàng Kế Viêm tin dùng. Sau khi giết được Trung Úy Francis Garnier, Lưu Vĩnh Phúc được vua Tự Đức phong Tam Tuyên Phó Đề Đốc.

Nhưng chánh phủ mới của Pháp bác bỏ điều ước sơ bộ 1882 (Lý Hồng Chương-Bourée ký vào cuối năm 1882) vì có khoản Pháp nhượng bắc ngạn sông Hồng cho nhà Thanh. Ngay sau đó, trong tháng 3 năm 1883, thành Nam Định mất, Hoàng Kế Viêm không giữ nổi thành dưới hỏa lực pháo binh Pháp. Mất Nam Định coi như mất hẳn tam giác châu sông Hồng. Cái họa môi mất răng lạnh đã rành rành. Phe chủ chiến nhà Thanh (Tả Tông Đường, Tăng Kỳ Trạch) thắng thế. Nhà Thanh vội vã hạ chỉ Đường Cảnh Tung thuyết phục Lưu Vĩnh Phúc phối hợp với quân Nam, Hoàng Kế Viêm đánh Pháp. Tháng 5 năm 1883 Quý Mùi, Đại Tá Rivière bị quân Cờ Đen phục binh, giết chết ở Cầu Giấy, ngoại thành Hà Nội. Lưu Vĩnh Phúc được phong Tam Tuyên Đề Đốc. Mười năm trước 1873 chính tại Cầu Giấy này quân Cờ Đen cũng đã phục binh giết chết Trung Úy Garnier.

Trong khi đó Lý Hồng Chương vẫn ráo riết hòa đàm với người Pháp để cứu nước Tàu khỏi ách chiến tranh, tổn hao ngân khố. Năm 1884 điều ước Fournier được ký tại Thiên Tân, trong đó có khoản: Bắc kỳ thuộc Pháp, quân nhà Thanh phải rút khỏi Bắc Kỳ. Nhưng phe chủ chiến triều Thanh không chịu rút quân, vì bài học lịch sử, môi mất răng lạnh của hai nước Quắc, Ngu, thà đánh Pháp trên đất Việt vẫn lợi hơn đánh Pháp tại Vân Nam, Quảng Tây.

Vương Đức Bạng 王德榜 vừa được bổ làm Đề đốc tỉnh Quảng Tây năm 1884. Vương nguyên là bộ tướng của Tả Tông Đường, phe chủ chiến, đã không cho triệt thoái quân Thanh đóng ở Việt Bắc như thỏa thuận trong điều ước Fournier, để xảy ra trận chiến Bắc Lệ, sông Thương vào tháng 6 năm 1884, khởi mào cho chiến tranh Thanh-Pháp.

Chiến lược gia Pháp lợi dụng chiến tranh ở Bắc kỳ để họ đánh tan tiềm lực hải quân nhà Thanh ở dọc duyên hải Hoa Nam. Họ dùng hỏa lực hùng hậu của hải quân đánh vào trọng điểm hải quân nhà Thanh tập trung ở Phúc Châu tỉnh Phúc Kiến (Hạm Đội Phúc Kiến). Vào tháng 8, 1884, Pháp đã phá tan hạm đội tối tân bậc nhất của nhà Thanh lúc đó khi còn neo tại bến, cùng với hải quân công xưởng Phúc Châu (xưởng đóng tàu Mã Vĩ),

và nhiều pháo đài dọc bờ biển từ Quảng Đông tới Thượng Hải. Hải quân Pháp cô lập luôn Hạm Đội Nam Dương. Kết quả tai hại là nhà Thanh thua to, phải ký điều ước Thiên Tân 1885. Thảm họa mà Lý Hồng Chương đã tiên liệu, từng nhắc nhở Thanh triều chớ có phiêu lưu quân sự.

Quân lệnh tướng Douglas MacArthur và vận mệnh nước Việt Nam.

Sau hai quả bom nguyên tử ngày 6 tháng 8 năm 1945 và 8 tháng 8 năm 1945, đến ngày 15 tháng 8 năm 1945 thì Nhật Hoàng Hirohito tuyên bố chấm dứt chiến tranh, ra huấn lệnh quân Nhật đầu hàng quân Đồng Minh qua đài truyền thanh.

Nhưng mãi đến ngày 2 tháng 9 năm 1945 Nhật Hoàng mới dâng hàng thư. Thế Chiến Thứ Hai chính thức chấm dứt. Ngay sau đó tướng Douglas MacArthur, Tư Lệnh Tối Cao Lực Lượng Đồng Minh tại Á Châu ra lệnh giải giới quân Nhật. Trước đó ông có lệnh cấm quân Đồng Minh xâm phạm vùng quân Nhật chiếm đóng. Ông muốn tránh đổ máu vì e ngại quân Nhật ở tiền phương chưa nhận được lệnh đầu hàng.

Lợi dụng thời gian 2 tuần (15/8/1945 - 2/9/1945) lính Nhật buông súng, dân tình hoang mang, thành phố đồn bót không có võ trang phòng vệ, Hồ Chí Minh (HCM) và Mặt Trận Việt Minh (đó là Đảng Cộng Sản Đông Dương) đã cướp chính quyền (gọi là Cách Mạng Tháng Tám) ngày 19 tháng 8 năm 1945 ở ngoài Bắc. HCM đọc bản tuyên ngôn độc lập dưới cờ đỏ sao vàng (2/9/1945), và thành lập Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời. Vua Bảo Đại thoái vị (1), nội các chính phủ Trần Trọng Kim tan rã. Từ đó danh tiếng HCM được truyền tụng trong dân gian từ Bắc chí Nam với cái tên triu mến “cụ Hồ” (2). Từ đó Đảng Cộng Sản Đông Dương với chiêu bài Việt Minh đã ăn cướp lòng yêu nước của dân Việt, chính thức độc tôn lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp khi quân Pháp thay lính Lữ Hán, Tiêu Văn, ở ngoài Bắc và quân đội Anh quốc ở trong Nam, tái chiếm Đông Dương.

HCM đã lợi dụng tình hình rối ren sau Thế Chiến Thứ Hai, trong lúc tướng MacArthur cấm động binh mà nắm lấy thời cơ mấy ngày thành phố không chủ để đoạt chiếm thiên hạ, đọc tuyên ngôn độc lập, thành lập chính phủ, ép vua thoái vị.

Đáng giận thay vận mạng đất nước Việt Nam ở mốc lịch sử tháng 8 năm 1945, ngay sau thế chiến, chỉ vì một quân lệnh nông nổi, chánh trị ấu trĩ, ngu xuẩn của tướng MacArthur, đã tạo cơ hội cho cộng sản cướp chính quyền, dần dà đưa đất nước Việt Nam vào ách thống trị của đảng cộng sản.

Thần Vong Xỉ Hàn “Lý Tưởng Tương Thông, Mạng Vận Tương Quan” và Chiến Tranh Việt Nam

Biên giới hai nước Việt Nam, Trung Quốc được lãnh tụ hai nước cộng sản mô tả như “**núi liền núi, sông liền sông**”, hay “**Sơn Lâm Tương Liên** 山林相連” tạo ra cái thế mà thành ngữ Trung Hoa tả như “phụ xa tương y” 輔車相依, hay “thần vong xỉ hàn” “唇亡齒寒” (môi mất răng lạnh). Theo địa hình 2 nước thì môi phải là Việt Nam. Môi Việt Nam có hở hay mất mát thì răng Trung Quốc sẽ lạnh. Chiến tranh Pháp – Thanh 1883-1885, chiến tranh Việt Nam thời 1950-54, và 1964-75 Trung Quốc can thiệp là vì răng Trung Quốc lạnh. Nhưng mối quan hệ hiện đại giữa hai nước phức tạp nhiều hơn cái tương quan môi răng. Đó còn là “vừa là đồng chí, vừa là anh em”, HCM sang Tàu cầu viện trong các năm 1950, 1962, 1965, và Lê Duẩn vào năm 1965... Hơn nữa qua ngàn năm lịch sử, hai nước còn có “Văn Hóa Tương Thông”, 文化相通 như Nho học, thể chế triều chánh, thi cử... đến cả các phong trào cách mạng canh tân như Duy Tân, Đông Du, Đông Kinh Nghĩa Thục... .

Các tổ chức đảng phái như Quốc Dân Đảng, và nhất là Đảng Lao Động (Cộng Sản) Việt Nam đều từ mẫu mực đảng Cộng Sản Trung Quốc. Vận mạng đất nước Việt Nam trong hậu bán thế kỷ 20 nằm trong tham vọng của hai đảng cộng sản lãnh đạo hai nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, và Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc. Họ có “**Lý Tưởng Tương đồng**” 理想相同, **Lợi Ích Tương Quan** 利益相關”.

Đó là dã tâm của HCM và đảng Lao Động (Cộng Sản) Việt Nam muốn thực thi chủ nghĩa cộng sản trên toàn cõi Việt Nam. Đó là thí điểm của mô hình cách mạng vô sản Trung Quốc, tham vọng Mao Trạch Đông. Việt Nam nằm trong bàn toán, nước cờ phát triển xuống Đông Nam Á. Trung Quốc lợi dụng Cộng Sản Việt Nam như Tấn mượn đường nước Ngưu, mà toàn cõi bán đảo Ấn Hoa (Lào, Cambodge, Thái lan, Miến Điện) và biển Đông Nam Á là nước Quắc. Sau khi làm chủ biển Đông Nam Á, thì Việt Nam không đánh cũng mất “**bất chiến nhi thắng**” (HCM và đảng Lao Động Việt Nam đã mắc mưu Trung Quốc “**cố thượng binh phạt mưu, kì thứ phạt**”).

giao, kì thứ phạt binh, kì hạ công thành” rành rành với tuyên bố 1958 của Trung Quốc về lãnh hải nhưng đảng Lao Động Việt Nam vẫn ngu xuẩn u mê không nghĩ được cái dã tâm của Mao).

Để ngăn chặn làn sóng cộng sản, Mỹ có học thuyết Truman, “Containment” (Vây Chặn), và học thuyết Domino của Eisenhower. Lịch sử đã viết định mạng đất nước Việt Nam đã gắn liền với chánh trường, quan hệ của hai nước Liên Xô, Trung Quốc, nhất là diễn tiến chánh trị nội bộ Trung Quốc do Mao Trạch Đông sách động, cũng như tình hình thế giới sau Thế Chiến Thứ 2, xã hội và chánh sự Hoa Kỳ trong những năm 1950-1970, và quan hệ ngoại giao giữa hai nước Trung Quốc và Hoa Kỳ sau này. Khi Mỹ bang giao với Trung Quốc, thì thuyết “Domino” không còn tác dụng, vận mạng miền Nam Việt Nam đã nằm trong bài toán buôn bán của tên chánh khách xô thịt Henry (Heinz) Alfred Kissinger.

Trước thềm chiến thắng cuộc chiến quốc-cộng ở Trung Quốc, tháng 8 năm 1949 Lưu Thiểu Kỳ bí mật đến Nga, gặp Stalin ở Moscow để bàn về hiện tình cách mạng đang diễn ra ở Đông Á. Hai nước phân chia nỗ lực phát triển cách mạng vô sản quốc tế, Đông Âu và Đông Á, đồng thuận về trách nhiệm chủ yếu của Trung Quốc là bành trướng chủ nghĩa cộng sản ở phương Đông. Cụ thể là giúp cách mạng vô sản chống thực dân Pháp, dành độc lập đang tiến hành ở Việt Nam. Chuyển đi của Lưu là để dọn đường cho Mao viếng thăm Moscow tháng giêng năm 1950. Trên chánh trường ngoại giao quốc tế, trung tuần tháng 1 năm 1950 Trung Quốc (CHNDTQ) là nước đầu tiên công nhận Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, kế đó là Liên Xô. Giải phóng quân Trung Quốc chiếm Thành Đô tháng 12 năm 1949, sau đó lần lượt kiểm soát hết vùng Hoa Nam tới Quảng Tây. Cuối năm 1949, Hoàng Văn Hoan đã có mặt ở Trung Quốc. La Quý Ba (Luo Guibo 羅貴波), đến Bắc Việt vào cuối tháng Giêng 1950.

Trước đó vài ngày, HCM đã bí mật đến Trung Quốc xin viện trợ, được Lưu Thiểu Kỳ tiếp (Mao lúc đó ở Moscow, để hoàn chỉnh hiệp ước Sino-Soviet trong tháng 2, 1950. Nhưng theo Trần Đĩnh, trong Đền Cù thì ông Hồ đã có hộp kiểm thảo với Mao, Lưu Thiểu Kỳ và Chu Ân Lai, và bị khiển trách về chính sách tiêu thổ kháng chiến ở Việt Nam; (trang 45-49) và Lưu lập Ủy Ban Đặc Biệt cứu xét yêu cầu của Việt Nam do Chu Đứơc (Zhu De 朱德) lãnh đạo. Tháng 2 năm 1950 HCM từ Trung Quốc đến Moscow để xin viện trợ. Kết quả như đã được định trước. Viện trợ cho Việt Nam là “trách nhiệm quốc tế vinh quang” của Trung Quốc (phải hiểu đó là đảng Cộng Sản Trung Quốc có trách nhiệm LÃNH ĐẠO cách mạng vô sản ở Việt Nam và Đông Á). Hồ không nhận được gì từ Liên Xô. Thanh triều không thể để Pháp chiếm Bắc Kỳ, thì Mao cũng không thể để Pháp tái chiếm Bắc Kỳ đe dọa Hoa Nam.

Trung Quốc viện trợ cho VNDCCH rất to tát và cấp bách quan trọng nhất có lẽ là “tổ cố vấn quân sự Trung Quốc, Chinese Military Advisory Group” (CMAG). Đứng đầu là danh tướng Trần Canh (陳賡- Chen Geng), Vi Quốc Thanh (韋國清-Wei Guoqing), Mai Gia Sinh (梅嘉生- Mei JiaSheng), Đặng Dật Phàm (鄧逸凡- Deng YiFan). Ngay sau khi thống nhất Trung Quốc, thành lập nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc (CHNDTQ) tháng 10 năm 1949, Mao tuyên bố “... chỉ hoàn tất bước đầu của cuộc trường kỳ cách mạng”. Bước kế tiếp là thực thi mô hình cách mạng của Trung Quốc, tư tưởng Mao Trạch Đông như chiến tranh nhân dân, cải cách ruộng đất (*Thổ Địa Cải Cách* - 土地改革), trường đoàn cổ vấn ở Việt Nam là Zhang DeQun- Trương Đức Quân), giải phóng nông thôn để bao vây thành thị (tham vọng Mao còn đi ngoài Việt Nam, giải phóng nông thôn= Cộng sản nắm chánh quyền các nước chậm tiến; bao vây thành thị = cô lập đế quốc tư bản Mỹ, Tây Âu, bước đầu tiên là bán đảo Ấn Hoa, biển Đông Nam Á).

Việt Nam là tiền đồn, là lửa thử vàng của chủ nghĩa cộng sản Á châu, kết tinh trong tư tưởng Mao Trạch Đông, giải phóng các nước thuộc địa, bán thuộc địa Á châu, đánh bại chủ nghĩa Đế Quốc, và chủ nghĩa xét lại sau này. Việt Nam còn là chặng đường mà đảng Cộng Sản Trung Quốc phải kinh qua để phát triển xuống biển Đông Nam Á.

Với tài liệu mới từ Trung Quốc, theo Qiang Zhai (翟强Địch Cường) và Chen Jian (Trần Kiện) thì kế sách của Trần Canh “bao vây đồn lũy để diệt quân cứu viện” là chiến thuật dùng trong chiến dịch biên giới giải phóng Cao Bằng, Lạng Sơn. Trần Canh đã áp dụng Binh Pháp Tôn Tử (3). Để kiểm soát Cao Bằng, Lạng Sơn, Pháp cho đóng quân ở cứ điểm quan trọng dọc theo đường Thuộc Địa số 4. Trần Canh đề nghị đánh chiếm đồn nhỏ Đông Khê giữa Cao Bằng và Thất Khê, Lạng Sơn để cắt đứt đường liên lạc huyết mạch, và cô lập Cao Bằng. Ép Pháp phải hành quân đi xa đồn để tái chiếm Đông Khê. Lợi dụng địa hình cho phục binh mà diệt quân Pháp.

Ngày 13 tháng 10 năm 1950, vùng biên giới Cao Bằng Lạng Sơn được giải phóng, Việt Minh được tiếp viện trực tiếp từ hậu phương lớn là cả đại lục Trung Quốc. Không cần phải núp dưới chiêu bài Việt Minh, HCM cho lột xác Việt Minh, công khai tổ chức đảng đoàn cộng sản Việt Nam dưới tên mới là Đảng Lao Động Việt Nam vào tháng 2 năm 1951 (tết Tân Mão, đại hội Đảng Cộng Sản Đông Dương lần 2).

Sau khi Stalin chết vào tháng 3, 1953, nội bộ đảng cộng sản Sô-viết có nhiều thanh trừng, tranh đoạt quyền hành mãi đến khi Khrushchev nắm quyền đệ nhất bí thư vào tháng 9 năm 1953, thì các chính sách cải cách kinh tế, sửa đổi chính trị, hay “sửa sai”, nới tay chuyên chính, “sống chung hòa bình, dù không chung chính hướng” được khởi động. Chính sách đó hoàn toàn trái ngược lại đường lối bạo động cách mạng, chuyên chính thống trị, cực đoan không liên hiệp của Mao: “... Khi ta nói chủ nghĩa Đế Quốc ác ôn, phải biết bản chất đó không bao giờ thay đổi, bọn Đế Quốc sẽ không bao giờ bỏ đao đồ tể, bọn chúng sẽ không bao giờ thành Phật...” Mầm mống bất hòa Nga-Hoa manh nha từ đó.

Trong Diễn Văn Mật đọc trước Đại Hội Đảng lần 20, tháng 2, 1956 Khrushchev vạch trần tội ác Stalin, lên án Stalin xây dựng văn hóa sùng bái cá nhân (thần thánh hóa lãnh tụ). Lo ngại thảm kịch đả đảo lãnh tụ ở Nga sẽ lan tràn sang Trung Quốc, để củng cố quyền lực tuyệt đối, tối cao của mình, Mao cực lực phản đối, bài xích “sống chung hòa bình, không chung chính hướng” gán cho đó là chủ nghĩa xét lại, đồng hóa đó với với chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh, luận điệu của tư sản. Vì lo sợ một chủ nghĩa xét lại ở Trung Quốc, lợi dụng tinh thần xây dựng của dân trí thức, nên vào tháng 5, năm 1956, Mao khởi xướng phong trào “Trăm hoa đua nở” (百花齊放, 百家爭鳴, Bách Hoa Tề Phóng, Bách Gia Tranh Minh) (4), lợi dụng lịch sử giai đoạn văn hóa hoàng kim Bách Gia Chư Tử thời Xuân Thu Chiến Quốc, để dấy động suy tư trong đầu trí thức, khởi dậy nguồn tư tưởng “phản động, xét lại”. (Mao cho tái diễn vụ án “Tập Đoàn Phản Cách Mạng Hồ Phong 胡風反革命集團” vào tháng 5 năm 1955.

Thông tin bưng bít, tuyên truyền xuyên tạc chỉ có nạn nhân của vụ án đã trong tù mới biết “Bách hoa tề phóng, bách gia tranh minh” đó là cái bẫy). Khi chín mùi, Mao khởi động chiến dịch chống hữu khuynh cuối năm 1957 để mà diệt tận gốc, trăm ngàn trí thức, thường dân vô tội phải chết oan, tù đầy, quy mô đó còn tàn ác hơn trăm, ngàn lần vụ án Minh Sử nhà Thanh... Để củng cố quyền lực, Mao đã xử dụng nhiều lần cái mảnh khóc chống chủ nghĩa xét lại trong suốt 27 năm trị vì, như sau này trong cách mạng văn hóa vô sản, và chiến tranh Việt Nam lần thứ hai.

Cuối năm 1957, HCM công du các nước cộng sản có ghé Bắc Kinh, khi về thì phái Tố Hữu, Huy Cận và Hà Xuân Trường đi học tập kinh nghiệm đánh hữu khuynh, xét lại bên Tàu. Khi họ về, đảng Lao Động tổ chức hai buổi học tập đánh “bọn phản động Giai Phẩm Nhân Văn” vào tháng 3 năm 1958 tại ấp Thái Hà.

Trong khi HCM và đảng Lao động Việt Nam tiến hành cuộc kháng chiến đánh Pháp giành độc lập (đồng thời là đánh Pháp để bảo vệ hàm răng Trung Quốc), thiết lập cơ cấu chủ nghĩa cộng sản ở miền Bắc, thi hành cải cách ruộng đất, đánh “bọn phản động Giai Phẩm Nhân Văn”, thực thi tư tưởng Mao Trạch Đông ở miền Bắc, thì ở trong Nam Quốc Trường Bảo Đại, tuy nổi tiếng là phóng túng, ăn chơi... nhưng ông là người có kiến thức rộng rãi, óc tổ chức, hành chính, đã lợi dụng thời cuộc vận động ngoại giao đòi hòa bình và độc lập cho Việt Nam. Như ngay sau khi Nhật đảo chính Pháp ngày 9 tháng 3 năm 1945, vua Bảo Đại đã tuyên bố hủy bỏ Hòa ước 1884, ủy thác học giả Trần Trọng Kim thành lập nội các chính phủ của một quốc gia độc lập- Đế Quốc Việt Nam (quá tiếc đã không có tổ chức quân đội, nên khi cộng sản cướp chính quyền, chính phủ Trần Trọng Kim phải giải tán). Ông biết Pháp không tin tưởng ông, nhưng ông cũng biết Pháp không có nhân tuyển, hay lựa chọn nào khác hơn “lá bài Bảo Đại” (“giải pháp của Pháp” phải chọn “lá bài Bảo Đại”), một khi tình hình ở Việt Nam càng ngày càng bất lợi cho Pháp. Tinh thần mới đã đem đến sức mạnh cho đòi hỏi của ông, buộc Pháp phải chấp nhận điều kiện mới.

Trải qua nhiều nội các, tan rôi hợp, mãi đến ngày 1 tháng 7 năm 1949 nội các do Thủ Tướng Bảo Đại (kiêm Quốc Trưởng) lại được thành lập. Kế đó là thành lập trường Võ Bị Đà Lạt (5/11/1950), trường Quân Y (7/8/1950), quân đội Quốc Gia Việt Nam... và cơ cấu tổ chức của một xã hội tự do như thể thức lập pháp, tư pháp, hành chính, san định bộ luật lao động... quy luật nghiệp đoàn, phát minh, bản quyền... Giáo dục... kiến thiết... với viện trợ của chính phủ Mỹ (so sánh: HCM đánh Pháp, thiết lập cơ cấu xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc với viện trợ của Trung Cộng). Nhưng người đời nhắc nhiều đến bản tánh của ông phóng túng, ham chơi... (giang san dễ đổi, bản tánh khó dời), chứ không hề nhắc đến sự đóng góp to lớn của ông cho đất nước Việt Nam, mà sau này ông Ngô Đình Diệm thừa hưởng trọn vẹn.

Tập trung chính phủ của Quốc Trưởng Bảo Đại đã thiết lập một quốc gia độc lập hợp pháp - Quốc Gia Việt Nam (thống nhất gồm Nam Kỳ Quốc, và Hoàng Triều Cương Thổ sau này 11-3-1955) - một cơ sở vững chắc cho nền Đệ Nhất Cộng Hòa.

Thuyết Domino và chiến tranh Việt Nam

Không có chân trong chính phủ Bảo Đại, năm 1950 ông Ngô Đình Diệm đi Mỹ (cùng với giám mục Ngô Đình Thục) để dự lớp chủng viện (Maryknoll Seminary ở Ossining, New York). Do giáo sĩ Fred McGuire tiến dẫn, và nhờ ảnh hưởng của giám mục Ngô Đình Thục, ông Diệm được Hồng Y Francis Spellman tiếp, rồi được ông Dean Rusk, phụ tá ngoại trưởng Mỹ đặc trách Viễn Đông Vụ và nhiều yếu nhân trong chính phủ Truman tiếp ở Washington D.C. Hồng Y Spellman có ảnh hưởng sâu rộng trên chính trường nước Mỹ. Hồn danh là Giáo Hoàng của người Mỹ (the American Pope), ông nổi tiếng cực đoan bảo thủ xuyên suốt từ giáo điều, chính trị đến xã hội. Ông Diệm được tin nhiệm của Hồng Y Spellman. Thời gian ở Mỹ ông Diệm đã lần lượt được tiếp xúc với chính khách quyền lực Hoa Kỳ lúc bấy giờ như các ông William O. Douglas Thẩm Phán Tối Cao Pháp Viện Hoa Kỳ, TNS John F. Kennedy, TNS Mike Mansfield, Allen Dulles Giám Đốc CIA, John Foster Dulles Bộ Trưởng Ngoại Giao... và nhiều nhân vật khác. Họ đều giống nhau ở điểm: Nắm chính quyền, thiên chúa giáo, kiên quyết chống cộng và hơn nữa họ đều thân thiết hay ủng hộ TNS Joseph McCarthy. Ông McCarthy là hung thần trong chính trường Mỹ lúc bấy giờ (1950-1957). Sự nghiệp chính trị của ông được xây dựng trên lập trường chống cộng sản, với thủ đoạn chụp mũ cộng sản (McCarthyism) có liên đới ít nhiều với FBI. Trong giai đoạn khủng hoảng đó ("McCarthy hysteria"), trí thức am tường về Trung Quốc, Việt Nam và chuyên gia nghiên cứu về chế độ cộng sản rất sợ cái mũ CS được người ta đội cho mình, bởi vậy trong chính quyền, bộ ngoại giao thiếu đi tiếng nói trung thực, chỉ còn lại cái loa chống cộng, cổ võ chiến tranh.

Thời gian đó nước Mỹ đang trong cao trào chống cộng. Trong chiến tranh Triều Tiên (6/1950-7/1953), Mỹ đương đầu với 2 triệu Hồng quân Cộng Sản Trung Quốc. Thời cơ ông Diệm ở Mỹ đúng lúc và ông có tất cả những gì chính quyền Mỹ đang tìm. Ông đã hiển nhiên trở thành nhân tuyến của Mỹ để lãnh đạo miền Nam sau này. Liên ngay sau đó, quân viễn chinh Pháp sa lầy ở Điện Biên Phủ. Pháp đã kiệt quệ sau Thế Chiến Thứ 2, lại phải đeo đuổi 9 năm hao mòn ngân khố, nay muốn rút khỏi Đông Dương trong danh dự. Trung Quốc cũng đã quá mệt mỏi với mấy mươi năm chinh chiến, từ kháng Nhật, Quốc-Cộng, Triều Tiên, rồi Việt Nam. Trung Quốc và Pháp biết phải làm gì... đó là đình chiến, hội nghị, hòa ước... Đó là nhu cầu đưa đến Hội Nghị Genève.

Tất cả các yếu tố đó đã tạo nên thời thế cho ông Ngô Đình Diệm ("Thời thế tạo anh hùng" chính là đây). Đó là điều kiện thuận tiện để Mỹ can thiệp vào Việt Nam.

Trước giờ hấp hối của quân đội viễn chinh Pháp tại Việt Nam, trong một buổi họp báo ngày 7 tháng 4 năm 1954, Tổng thống Dwight D. Eisenhower đã dùng hình ảnh hàng cờ domino sụp đổ "falling domino principle" khi con cờ đầu ngã xuống để minh họa một khi Việt Nam rơi vào tay cộng sản thì toàn cõi bán đảo Ấn-Hoa (Lào, Cam bốt, Thái Lan, Miến Điện), rồi Đông Nam Châu Á sẽ lần lượt suy sụp dưới làn sóng đỏ của Cộng Sản Trung Quốc. Đây là cơ hội để Eisenhower nhắc chùng quốc hội Mỹ là Việt Nam không thể để hoàn toàn rơi vào tay cộng sản. Thời gian này ông Ngô Đình Diệm đã rời Hoa Kỳ, có mặt ở Paris để vận động ghé thủ tướng. Dưới áp lực của Mỹ, Bảo Đại bổ nhiệm ông Diệm chức vụ thủ tướng ngày 19 tháng 6 năm 1954 (thay thế Hoàng thân Bửu Lộc) tại lâu đài Thorencen. Sau đó ông Diệm về Sài Gòn ngày 26 tháng 6 năm 1954, thành lập chính phủ và trình nội các trước quốc dân ngày 7 tháng 7 năm 1954, gồm 17 người, đứng đầu là Thủ tướng Ngô Đình Diệm, kiêm Tổng trưởng Nội vụ, kiêm Tổng trưởng Quốc phòng.

Pháp đầu hàng ở Điện Biên Phủ ngày 7 tháng 5 năm 1954. Sự kiện này đã dẫn tới thắng lợi cho Việt Minh ở hội nghị Genève (26/4 đến 20/7/1954). Xin đọc *China and the Vietnam Wars, 1950-1975* (Qiang Zhai) và *China and the First Indo-China War, 1950-54* (Chen Jian) để biết thêm vai trò cố vấn (hay chỉ đạo) của Tổ Cố Vấn Quân Sự Trung Quốc (CMAG) và chỉ đạo của Quân Ủy Trung Ương Đảng CS TQ (Central Military Committee of the Chinese Communist Party) nhất là vai trò tướng Vi Quốc Thanh trong chiến thắng Điện Biên Phủ.

Hiệp định ký ngày 21 tháng 7 năm 1954 theo đó Việt Nam tạm thời chia đôi ở vĩ tuyến 17. Miền Bắc cộng sản do HCM lãnh đạo. Mao Trạch Đông đã rất thỏa mãn với điều ước Genève, miền Bắc cộng sản là trái độn là cái môi bảo vệ hàm răng vùng Hoa Nam Trung Quốc. Sau hiệp định Genève có khoảng 1 triệu dân miền Bắc

di cư vào Nam. Tuy rằng có thể một phần là do tuyên truyền của Mỹ, nhưng đa số những người di cư có đạo Thiên Chúa hay đã sống trong vùng giải phóng, dưới chế độ đảng trị, và nếm mùi cải cách ruộng đất, bài phong phản đế. Trong đó có một số người đã từng theo kháng chiến như ông Hoàng Văn Chí tác giả “Trăm Hoa Đưa Nở Trên Đất Bắc”, “Từ Thực Dân Đến Cộng Sản”... cũng có cán bộ tình báo cộng sản trà trộn với dân di cư như Vũ Ngọc Nhạ. Tập kết ra Bắc là những người theo kháng chiến, yêu nước nhưng chưa hề sống dưới chế độ cộng sản ngày nào.

Theo hiệp định Genève thì sẽ có tổng tuyển cử 2 năm sau (1956) để thống nhất đất nước. Mỹ đã không ký vào hiệp định Geneva, và TT Eisenhower lợi dụng thời gian 2 năm đó để củng cố chính quyền Ngô Đình Diệm với mục đích là để ngăn chặn được làn sóng đỏ từ Trung Quốc, Bắc Việt. Ngăn chặn hay “Containment” mà sau này người ta gọi là học thuyết Truman, lấy ý tưởng từ bài diễn văn TT Truman đọc trước quốc hội Hoa Kỳ ngày 12 tháng 3 năm 1947 để thuyết phục quốc dân (quốc hội và nhân dân) Hoa Kỳ viện trợ cho Hy Lạp (Greek) chống lại phiến quân cộng sản, hòng ngăn chặn làn sóng cộng sản từ Hy Lạp đổ sang Thổ Nhĩ Kỳ (Turkey). Để thực hiện sách lược Ngăn Chặn (Containment) làn sóng cộng sản, Ngoại trưởng Mỹ J.F. Dulles đã vận động thành lập tổ chức SEATO (Southeast Asia Treaty Organization, xuất phát từ Southeast Asia Collective Defense Treaty = Hiệp ước phòng vệ chung Đông Nam Á, vào tháng 9, 1954). Hiệp ước SEATO, trong đó Hoa Kỳ là thành viên, đã cung ứng cho Mỹ pháp lý và ngoại giao để can thiệp vào Việt Nam, để bảo vệ Đông Nam Châu Á trước hiểm họa cộng sản.

Hiệp định Geneva ký ngày 21 tháng 7 năm 1954 đã dâng không cho Thủ Tướng Ngô Đình Diệm miền Nam tự do, độc lập (lịch sử không ghi lại việc gì ông Diệm đã làm cho miền Nam để xứng với “phần thưởng” này). Ông Ngô Đình Diệm đã hưởng trọn vẹn thành quả và tâm quyết của Quốc Trưởng Bảo Đại đã cố dành độc lập, tự do cho đất nước Việt Nam (Quốc Gia Việt Nam) qua ngoại giao, thương thảo.

Việc đầu tiên là ông Diệm hạ lệnh tiêu diệt các lực lượng vũ trang của giáo phái Hòa Hảo, Cao Đài, và tổ chức “anh chị” Bình Xuyên với sự giúp đỡ tiền bạc và tình báo của CIA. Chính một số người Mỹ sau này lại đánh giá việc đàn áp các lực lượng vũ trang của các tổ chức “chánh trị-tôn giáo” “phi công giáo” là khởi điểm của bất mãn trong miền Nam, đưa đến hậu thuẫn cho Việt Cộng. Nếu ông Diệm thống nhất lực lượng vũ trang giáo phái vào quân đội quốc gia trong tinh thần đoàn kết, dùng chánh trị thương thảo, hòa hợp tôn giáo thay vì sát hại thì thế cục có lẽ đã khác hẳn. Ở cao nguyên Trung Phần, sau khi sát nhập Hoàng Triều Cương Thổ (1955), các tộc Tây Nguyên bị phân biệt đối xử, bất mãn đè nén đã bộc lộ lên phong trào đấu tranh hòa bình BAJARAKA (1958)... rồi sanh ra tổ chức bạo động FULRO (Front Unifié pour la Libération des Races Opprimées, 1964) sau này... tất cả nói lên cái sai lầm chánh trị nghiêm trọng khai mào từ chánh phủ Ngô Đình Diệm. Sau trưng cầu dân ý, truất phế Quốc Trưởng Bảo Đại ngày 23 tháng 10 năm 1955 (5), kế đó đã không có hiệp thương, tổng tuyển cử trong năm 1956.

Trong chuyến công du các nước CS cuối năm 1957, ông HCM có ghé Trung Quốc. Khi về ông Hồ tích cực củng cố hậu phương miền Bắc, học hỏi Trung Quốc cách đánh hữu khuynh, đánh Giai Phẩm-Nhân Văn, áp dụng triệt để chánh sách toàn trị, phát động chiến tranh tâm lý để chuẩn bị tinh thần toàn dân vũ trang “giải phóng” (đánh chiếm) miền Nam. Chánh sách “sống chung hòa bình, không chung chánh hướng”, “sửa sai” của Kruschew không thích hợp với chủ trương bạo động chiến tranh của đảng Lao Động Việt Nam là thống nhất lãnh thổ dưới chế độ cộng sản, là đánh chiếm miền Nam. Ông Hồ đã tận dụng cái bất hòa Nga-Trung mà thủ lợi, trong giai đoạn đó ông ve vãn Mao, ông đánh phong trào Giai Phẩm Nhân Văn để chứng tỏ đường lối bạo động, chống chủ nghĩa xét lại, thân Bắc Kinh cho Mao thấy để được viện trợ đánh chiếm miền Nam sau này. Như sau này (1962) ông Hồ có nói với Chu Ân Lai, ở Quảng Châu “Đừng nói là phải đánh 5 năm, 10 năm, dù có 20 năm, 30 năm, thậm chí 50 năm cũng phải đánh, đánh cho đến khi thắng lợi hoàn toàn (đánh “Đế quốc Mỹ”, để chiếm miền Nam)”.

Để chuẩn bị cho cuộc xâm chiếm miền Nam, thông qua công hàm của Phạm Văn Đồng ngày 14 tháng 9 năm 1958 công nhận tuyên bố của Trung Quốc về lãnh hải 12 hải lý và các hải đảo ở biển Nam Trung Quốc (6), HCM đã dâng hiến vùng biển và hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa ngoài khơi biển Đông cho Trung Quốc. HCM đã mua lòng Mao để có viện trợ cho việc xâm chiếm miền Nam. Có lẽ lúc đó ông Hồ toan tính quỷ quyết là hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa nằm sau vĩ tuyến 17 không thuộc chủ quyền miền Bắc, nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa.

Kế đó Cộng Sản Bắc Việt qua Trung Ương Cục Miền Nam chỉ thị thành lập Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam tháng 12 năm 1960. Linh hồn của MTGPMN là Đảng Nhân Dân Cách Mạng Miền Nam, đây là nặc danh của Đảng Lao Động Việt Nam, trá hình ở miền Nam dưới danh xưng mới hầu thu hút nhân sĩ yêu nước miền Nam và che mắt thế giới.

Mặt trận, danh xưng chỉ là chiêu bài, chỉ là tấm bình phong để che mắt thiên hạ như lịch sử cho thấy từ Đảng Cộng Sản Đông Dương, tới Mặt Trận Việt Minh, Đảng Lao Động, rồi trở lại Đảng Cộng Sản Việt Nam (7); từ nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa tới Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, từ Đảng Lao Động Việt Nam, tới Đảng Nhân dân Cách mạng Miền Nam Việt Nam, còn có Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam, rồi Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời Miền Nam Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam... tất cả chỉ là thủ đoạn được dùng từng bước, tùy giai đoạn để che mắt nhân dân Việt Nam để thực hiện mục đích cuối cùng là thiết lập chế độ cộng sản, đảng trị trên toàn cõi Việt Nam (8). Thể hiện qua thành tựu cuối cùng là Đảng Cộng Sản Việt Nam lãnh đạo nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Đến cuối những năm 1950s Bắc Kinh đã không khuyến khích, cũng không ngăn cản Cộng Sản Bắc Việt tiến hành chiến tranh xâm lược miền Nam (theo Qiang Zhai và Chen Jian). Lý do đơn giản là miền Hoa Nam Trung Quốc không có trực tiếp nguy hiểm vì đã có trái độn Cộng Sản Bắc Việt. Thứ hai Mao không muốn ép Mỹ phải đưa quân vào miền Nam. Đó là đe dọa Bắc Việt, cái môi của Hoa Nam, bài học chiến tranh Triều Tiên còn đó, hơn một triệu lính Hồng quân đã hy sinh. Kế đó là kinh tế Trung Quốc đang suy sụp trầm trọng vì sai lầm của kế hoạch 5 năm và thiên tai, tới khoảng hơn 30 triệu dân Tàu chết vì đói ăn.

Nhưng quan hệ ngoại giao Nga-Hoa, và chính sách của TT Johnson đã góp phần thay đổi lập trường Trung Quốc. Tháng 6 năm 1959 Nga Sô hủy bỏ hiệp ước về công trình xây dựng kỹ nghệ nguyên tử cho Trung Quốc. Tuyên bố trung lập trong chiến tranh biên giới Ấn – Hoa tháng 9 năm 1959. Tháng 8 năm 1960 Khrushchev rút hết chuyên gia Nga về nước, cắt viện trợ cho Trung Quốc. Mao kết án Khrushchev đã thỏa hiệp với Đế Quốc Mỹ, và đã theo con đường “Tiến Hóa Hòa Bình (peaceful evolution) của ngoại trưởng Mỹ John Foster Dulles, mà Dulles đọc lần đầu trong một diễn văn vào tháng giêng năm 1953. Mao đặc biệt quan tâm tới diễn văn của J.F. Dulles. Trong nhiều diễn văn Dulles dẫn giải “tiến hóa hòa bình” là từ độc tài đảng trị hòa bình tiến hóa lên dân chủ pháp trị bên trong xã hội cộng sản.

Nổi gót Mao, Đặng Tiểu Bình khi đàn áp thẳng tay học sinh trong sự kiện Thiên An Môn, hay Hồ Cẩm Đào, Vương Nhấn Chi (Wang Renzhi) sau này đều dẫn chứng theo lời Mao dạy mằm móng cái họa “tiến hóa hòa bình” là do thế giới tư bản đầu độc con em nước Tàu, cái họa tâm phúc bên trong xã hội cộng sản, đã xảy ra trước đó ở Nga theo đó là Ba Lan - Poland - (1956), và Hung Gia Lợi - Hungary - (1956). Một hình thức của Tiến Hóa Hòa Bình đã diễn ra ở Bắc Việt qua phong trào Giai Phẩm Nhân Văn 1955-1957, và đã bị trấn áp dập tắt sau chuyến công du cuối năm 1957, mà HCM đã học hỏi cách đánh hữu khuynh từ Trung Quốc. (Trái lại phong trào “Bách Hoa Tề Phóng Bách Gia Tranh Minh” là do Mao sách động, thiên hạ đại loạn thì Mao có cơ hội thanh trừng).

Chủ nghĩa xét lại là biểu hiện của Khrushchev. Ở Trung Quốc đó là mằm móng tranh đoạt quyền hành với Mao. Mao tìm mọi cơ hội để diệt trừ ý tưởng xét lại, và tất cả những gì có dính dáng với chính sách Khrushchev. Vương Giá Tường 王稼祥, trưởng ban liên hệ quốc tế Đảng CS Trung Quốc, là nạn nhân đầu tiên của Mao. Tháng 6 năm 1962 Vương trình lên cấp trên báo cáo tình hình thế giới. Trong đó Vương cân nhắc Trung Quốc không nên dẫn thân vào Việt Nam như chiến tranh Triều Tiên. Trong thời gian đó, HCM và Nguyễn Chí Thanh đã có mặt ở Bắc Kinh để xin viện trợ cho quân giải phóng miền Nam. Mao kết án Vương có tư tưởng thỏa hiệp với bọn đế quốc, bọn xét lại, bọn phản động, làm suy giảm nghĩa vụ quốc tế cách mạng vô sản để giúp cộng sản VN đấu tranh chống Đế Quốc Mỹ xâm lược.

Đến cuối năm 1962 thì quan hệ đồng chí hai nước Nga-Trung đã vỡ tung, đến gần như là thù nghịch. Mao chỉ trích Khrushchev thỏa hiệp với Mỹ trong khủng hoảng đầu đạn nguyên tử ở Cuba tháng 10, năm 1962. Trung quốc ra mặt chống đối Nga, tuyên bố là chủ nghĩa xét lại của Nga Xô Viết không đấu tranh cho giai cấp vô sản chống lại Đế Quốc giải phóng quốc gia. Chỉ có CHND Trung Quốc mới là chiến sĩ cộng sản chân chính và trung thực giúp Việt Nam chống Đế Quốc Mỹ. Cách mạng vô sản quốc tế nay do Trung Quốc lãnh đạo. Trung quốc viện trợ tối đa cho Bắc Việt.

CHÚ THÍCH

* Nguyên văn từ “*Đêm Giữa Ban Ngày*” Vũ Thư Hiên. Bản điện tử, trang 406: “Chế Lan Viên lấy hứng thú từ một bài nói chuyện nội bộ của Lê Duẩn, trong đó Lê Duẩn nói “Ta đánh Mỹ là đánh cho Liên Xô, đánh cho Trung Quốc, cho các nước xã hội chủ nghĩa và cả nhân loại,....”

(1). Đài phát thanh đọc chiếu Vua Bảo Đại gửi quốc dân ngày 19 tháng 8 năm 1945 kêu gọi đoàn kết và vui lòng "làm dân một nước độc lập còn hơn làm vua một nước nô lệ." Năm ngay cơ hội đó Chánh Phủ Nhân Dân Cách Mạng Lâm Thời (chủ tịch là Hồ Chí Minh) gửi điện tín yêu cầu vua Bảo Đại thoái vị. Bảo Đại thoái vị ngày 25 tháng 8 năm 1945, vui lòng làm công dân Vĩnh Thụy của một nước Việt Nam độc lập. Áp lực bên ngoài là Việt Minh, nhưng dàn dựng bên trong cái cục thoái vị là do Phạm Khắc Hòe, Đồng Lý Ngự Tiền Văn Phòng triều Nguyễn bấy giờ. Ông Hòe hết dùng lịch sử cách mạng Pháp 1789 (Cái chết của Louis XVI, hoàng hậu Marie Antoinette, 1793) để áp lực tinh thần vua Bảo Đại, lại dùng sấm ký ở Nghệ An “*Đụn sơn phân giải (giới), Bò Đái thất thanh, Nam Đàn sanh thánh*” để chỉ ông Hồ, người Nam Đàn Nghệ An, là thánh nhân. Ý nhắc vua phải theo thiên ý để mà bảo toàn tánh mạng. Có lẽ “...*Nam Đàn sanh thánh*” là một trong những động cơ mà Nguyễn Tất Thành đã bán Cụ Phan Bội Châu cho Pháp, để dành lấy huyền thoại cho chính mình. Mong bô lão, dân cố cựu ở Nam Đàn Nghệ An cho biết thêm về gốc gác của câu sấm trên. Chớ còn Nguyễn Ái **Quốc** thì dân lão làng cố cựu trong Nam đều biết đó là tên của người miền Nam. Hồ Chí Minh, người Nghệ An, mà nhận mình là tác giả những văn bản chữ Pháp ký tên Nguyễn Ái **Quốc** thì chỉ lộ cái chân tướng tiếm xưng mà thôi.

(2). Riêng trong miền Nam mặt thật của chế độ Cộng Sản Việt Nam chỉ non một năm sau 1975 là đã hoàn toàn lộ chân tướng, và huyền thoại Hồ Chí Minh thì ai nấy đều biết đó chỉ là truyện huyền hoặc vẽ rắn thêm chân bởi đảng Cộng Sản Việt Nam, và chính tay Hồ Chí Minh trá hình dưới tên Trần Dân Tiên. Khoảng năm 1976 thì dân miền Nam thường mách nhau đem hình ông Hồ về lộng kiếng (liệng cống). Chỉ khổ cán bộ miền Bắc không biết tiếng lái miền Nam là đồ rác rưởi thì lộng kiếng -liệng cống.

(3). Binh Pháp Tôn Tử: Phạm phép dùng binh... Không khó gì bằng quân tranh - dành lấy lợi thế (*Mạc nan ư quân tranh*), cái khó đó là (*quân tranh chi nan giả*) là biến công thành thắng (*dĩ vu vi trực*), lấy vạ thành lợi (*dĩ hoạn vi lợi*)... (Áp dụng Binh Pháp Tôn Tử của Trần Canh: Công đồn bót (ở Lạng Sơn, Cao Bằng) là chuyện khó, không nên làm (*kì hạ công thành* - công thành là hạ sách), nên phải ép quân Pháp sa vào tình cảnh phải bỏ đồn, hành quân xa để giải vây cho Đông Khê, mà sa vào phục binh của Việt Minh, biến cái khó công đồn, thành cái lợi phục kích (*dĩ vu vi trực, dĩ hoạn vi lợi*).

(4). Có lẽ chính Mao đã lợi dụng lịch sử đang diễn ra ở Bắc Việt, nhận thức được cái âm ức dồn nén trong lòng trí thức, văn nghệ sĩ mà khơi dậy phong trào “xét lại” ở Trung Quốc để thanh trừng. Tháng 3, 1955, Trần Dần và Tử Phác phê bình tập thơ Việt Bắc của Tố Hữu (Theo Thụy Khê thì Trần Dần, tây học, không chịu ảnh hưởng của Hồ Phong, sau chuyển đi Trung Quốc 1954). Tháng Giêng năm 1956 Hoàng Cầm và Lê Đạt cho xuất bản Giai Phẩm Mùa Xuân. Tháng 2 năm 1956, Giai Phẩm Mùa Xuân bị tịch thu. Lê Đạt bị bắt, kiểm thảo. Trần Dần, Tử Phác bị tù. Tố Hữu triệu tập đại hội tuyên huấn toàn quốc (miền Bắc) để đánh Giai Phẩm Mùa Xuân. Mãi đến giữa tháng 3 năm 1956 đợt chót của đoàn cố vấn quân sự Trung Quốc mới về nước. Đoàn cố vấn quân sự chắc hẳn đã báo cáo tình hình chánh trị, xã hội đang diễn ra ở Hà Nội lên Mao. Rồi cuối tháng 5, 1956 Mao khởi động “*Bách hoa đề phóng, bách gia tranh minh*” để đẩy động nguồn tư tưởng “xét lại”.

(5). Chống lại lệnh triệu hồi sang Pháp của Quốc Trưởng Bảo Đại, Thủ tướng Ngô Đình Diệm cho tổ chức trưng cầu dân ý và truất phế Quốc Trưởng Bảo Đại ngày 23 tháng 10 năm 1955, (thắng với 98.2%, Bảo Đại được 1.1%, con số đủ nói lên hậu trường của vở kịch, và vở cố vấn của Lansdale “Xanh bỏ giỏ đồ bỏ bì”, màu xanh, phiếu bầu QT Bảo Đại, màu đỏ phiếu cho TT Ngô Đình Diệm). Hoàng Đế Bảo Đại năm xưa đã từng vui vẻ thành thời thoái vị để làm công dân Vĩnh Thụy của một nước Việt Nam độc lập thì chiếc ghế quốc trưởng chắc ông cũng không thiết tha gì. Daniel Grandclément: Ông Diệm đã “... đã lật lọng một cách hèn hạ, trâng tráo phản bội lời thề trung thành với ông, phế bỏ ông, thông qua một cuộc trưng cầu dân ý giả hiệu và gian lận tịch biên tài sản, nhục mạ chửi rủa ông cay độc hơn báo chí kháng chiến năm 1949, lại còn giật dây hội đồng hoàng tộc truất bỏ cương vị Quốc trưởng và mọi tước hiệu của ông”.

Rất tiếc ông Diệm không chu toàn cho thân nhân Cựu Hoàng còn ở miền Nam. Dầu sao ông Diệm tuy không xuất thân khoa bảng, nhưng cũng là quan lại triều Nguyễn nhiều năm -(sau khi ra trường Hậu Bồi, Ông Diệm lần lượt được bổ nhậm tri huyện, tri phủ, tuần vũ, rồi thượng thư. Đường hoạn lộ hanh thông như vậy, nhưng không xuất thân đại khoa, thì quả là hy hữu. Người ta cho rằng quan trường của ông Diệm là do Thượng Thư Nguyễn Hữu Bài nâng đỡ)- và là thủ tướng cuối cùng của Quốc Gia Việt Nam. Là một “chí sĩ” lại sao không biết gì “ân vua lộc nước”, hay cái “ân tri ngộ” năm xưa vua Bảo Đại phong ông chức Thượng Thơ Bộ Lại, chỉ vì lời nhắn nhủ của lão thần Nguyễn Hữu Bài.

(6). Tuyên bố ngày 4 tháng 9 năm 1958 của Trung Quốc có viết:

Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc nay tuyên bố:

1- Bề rộng lãnh hải của nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc là 12 hải lý. Điều lệ này áp dụng cho toàn lãnh thổ nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc, bao gồm phần đất Trung Quốc trên đất liền và các hải đảo ngoài khơi, Đài Loan (tách biệt khỏi đất liền và các hải đảo khác bởi biển cả) và các đảo phụ cận, quần đảo Penghu, quần đảo Đông Sa, quần đảo Tây Sa, quần đảo Trung Sa, quần đảo Nam Sa, và các đảo khác thuộc Trung Quốc.

2- Các đường thẳng nối liền mỗi điểm căn bản của bờ biển trên đất liền và các đảo ngoài biên ngoài khơi được xem là các đường căn bản của lãnh hải dọc theo đất liền Trung Quốc và các đảo ngoài khơi. Phần biển 12 hải lý tính ra từ các đường căn bản là hải phận của Trung Quốc. Phần biển bên trong các đường căn bản, kể cả vịnh Bohai và eo biển Giongzhou, là vùng nội hải của Trung Quốc. Các đảo bên trong các đường căn bản, kể cả đảo Dongyin, đảo Gaodeng, đảo Mazu, đảo Baiquan, đảo Niaoqin, đảo Đại và Tiểu Jinmen, đảo Dadam, đảo Erdan, và đảo Dongding, là các đảo thuộc nội hải Trung Quốc.

3- Nếu không có sự cho phép của Chính Phủ Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc, tất cả máy bay ngoại quốc và tàu bè quân sự không được xâm nhập hải phận Trung Quốc và vùng trời bao trên hải phận này. Bất cứ tàu bè ngoại quốc nào di chuyển trong hải phận Trung Quốc đều phải tuân thủ các luật lệ liên hệ của Chính Phủ Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc .

4- Điều 2 và 3 bên trên cũng áp dụng cho Đài Loan và các đảo phụ cận, quần đảo Penghu, quần đảo Đông Sa, quần đảo Tây Sa, quần đảo Trung Sa, quần đảo Nam Sa, và các đảo khác thuộc Trung Quốc.

Đài Loan và Penghu hiện còn bị cưỡng chiếm bởi Hoa Kỳ. Đây là hành động bất hợp pháp vi phạm sự toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền của Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc. Đài Loan và Penghu đang chờ được chiếm lại. Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc có quyền dùng mọi biện pháp thích ứng để lấy lại các phần đất này trong tương lai. Các nước ngoại quốc không nên xen vào các vấn đề nội bộ của Trung Quốc

(Bản dịch của Trung Tâm Dữ Kiện)

Chú thích: Quần đảo Tây Sa (tên tiếng Tàu Xisha) = Quần đảo Hoàng Sa = Paracel Islands Quần đảo Nam Sa (tên tiếng Tàu Nansha) = Quần đảo Trường Sa = Spratly Islands

Nguyên văn công hàm Phạm Văn Đồng ký ngày 14 tháng 9 năm 1958

Thưa Đồng chí Tổng lý, Chúng tôi xin trân trọng báo tin để Đồng chí Tổng lý rõ: Chính phủ nước Việt-nam Dân Chủ Cộng Hoà ghi nhận và tán thành bản tuyên bố , ngày 4 tháng 9 năm 1958, của Chính phủ nước Cộng Hoà Nhân dân Trung-hoa, quyết định về hải phận của Trung-quốc. Chính phủ nước Việt-Nam Dân Chủ Cộng Hoà tôn trọng quyết định ấy và sẽ chỉ thị cho các cơ quan Nhà nước có trách nhiệm triệt để tôn trọng hải phận 12 hải lý của Trung-quốc, trong mọi quan hệ với nước Cộng hòa Nhân dân Trung hoa trên mặt bể. Chúng tôi xin kính gửi Đồng chí Tổng lý lời chào rất trân trọng. Hà-nội, ngày 14 tháng 9 năm 1958 PHẠM VĂN ĐỒNG Thủ tướng Chính Phủ Nước Việt-nam Dân chủ Cộng Hoà

Nguồn:

<http://conghambannuoc.tripod.com/>

<http://law.hku.hk/clsourcebook/10033.htm>